

**DANH MỤC TTHC LĨNH VỰC ĐẤT ĐAI, ĐO ĐẠC VÀ BẢN ĐỒ
THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA NGÀNH TÀI NGUYÊN VÀ
MÔI TRƯỜNG TỈNH TÂY NINH**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2164/QĐ-UBND ngày 24 tháng 10 năm 2023
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh)

STT	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
I	TTHC cấp tỉnh		
1	Chấp thuận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với tổ chức kinh tế nhận chuyển nhượng, nhận góp vốn, thuê quyền sử dụng đất nông nghiệp để thực hiện dự án đầu tư sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp (Mã TTHC: 1.010200.000.00.00.H53)	Đất đai	Sở Tài nguyên và Môi trường
2	Thẩm định nhu cầu sử dụng đất; thẩm định điều kiện giao đất, thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất, điều kiện cho phép chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư đối với tổ chức, cơ sở tôn giáo, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao (Mã TTHC: 1.003010.000.00.00.H53)	Đất đai	Sở Tài nguyên và Môi trường
3	Giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất đối với dự án phải trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền xét duyệt hoặc phải cấp giấy chứng nhận đầu tư mà người xin giao đất, thuê đất là tổ chức, cơ sở tôn giáo, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao (Mã TTHC: 1.002253.000.00.00.H53)	Đất đai	Sở Tài nguyên và Môi trường
4	Giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất đối với dự án không phải trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền xét duyệt; dự án không phải cấp giấy chứng nhận đầu tư; trường hợp không phải lập dự án đầu tư xây dựng công trình mà người xin giao đất, thuê đất là tổ chức, cơ sở tôn giáo, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao (Mã TTHC: 1.002040.000.00.00.H53)	Đất đai	Sở Tài nguyên và Môi trường
5	Chuyển mục đích sử dụng đất phải được phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với tổ chức, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	Đất đai	Sở Tài nguyên và Môi trường

	(Mã TTHC: 1.004257.000.00.00.H53)		
6	Thu hồi đất do chấm dứt việc sử dụng đất theo pháp luật, tự nguyện trả lại đất đối với trường hợp thu hồi đất của tổ chức, cơ sở tôn giáo, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (Mã TTHC: 1.001039.000.00.00.H53)	Đất đai	Sở Tài nguyên và Môi trường
7	Thu hồi đất vì mục đích quốc phòng, an ninh; phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng (cấp tỉnh/huyện) (Mã TTHC: 1.001007.000.00.00.H53)	Đất đai	Sở Tài nguyên và Môi trường
8	Đăng ký quyền sử dụng đất lần đầu (Mã TTHC: 1.002973.000.00.00.H53)	Đất đai	Văn phòng đăng ký đất đai; Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai
9	Đăng ký đất đai lần đầu đối với trường hợp được Nhà nước giao đất để quản lý (Mã TTHC: 1.000813.000.00.00.H53)	Đất đai	Văn phòng đăng ký đất đai; Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai
10	Xóa đăng ký cho thuê, cho thuê lại, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất (Mã TTHC: 1.003078.000.00.00.H53)	Đất đai	Văn phòng đăng ký đất đai; Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai
11	Đăng ký biến động về sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất do thay đổi thông tin về người được cấp Giấy chứng nhận (đổi tên hoặc giấy tờ pháp nhân, giấy tờ nhân thân, địa chỉ); giảm diện tích thửa đất do sạt lở tự nhiên; thay đổi về hạn chế quyền sử dụng đất; thay đổi về nghĩa vụ tài chính; thay đổi về tài sản gắn liền với đất so với nội dung đã đăng ký, cấp Giấy chứng nhận (Mã TTHC: 1.003069.000.00.00.H53)	Đất đai	Văn phòng đăng ký đất đai; Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai
12	Đăng ký xác lập quyền sử dụng hạn chế thửa đất liền kề sau khi được cấp Giấy chứng nhận lần đầu và đăng ký thay đổi, chấm dứt quyền sử dụng hạn chế thửa đất liền kề (Mã TTHC: 1.003855.000.00.00.H53)	Đất đai	Văn phòng đăng ký đất đai; Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai
13	Tách thửa hoặc hợp thửa đất (Mã TTHC: 1.003036.000.00.00.H53)	Đất đai	Văn phòng đăng ký đất đai; Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai

14	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất(Mã TTHC: 1.003040.000.00.00.H53)	Đất đai	Văn phòng Đăng ký đất đai; Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai
15	Đính chính Giấy chứng nhận đã cấp (Mã TTHC: 1.004193.000.00.00.H53)	Đất đai	Văn phòng Đăng ký đất đai; Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai
16	Thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp không đúng quy định của pháp luật đất đai do người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất phát hiện (Mã TTHC: 1.004177.000.00.00.H53)	Đất đai	UBND cấp tỉnh, UBND cấp huyện, Văn phòng Đăng ký đất đai; Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai
17	Đăng ký và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu (Mã TTHC: 1.003003.000.00.00.H53)	Đất đai	Văn phòng Đăng ký đất đai; Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai
18	Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho người đã đăng ký quyền sử dụng đất lần đầu (Mã TTHC: 1.002973.000.00.00.H53)	Đất đai	Văn phòng Đăng ký đất đai; Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai
19	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu đối với tài sản gắn liền với đất mà chủ sở hữu không đồng thời là người sử dụng đất (Mã TTHC: 1.002962.000.00.00.H53)	Đất đai	Văn phòng Đăng ký đất đai; Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai
20	Đăng ký thay đổi tài sản gắn liền với đất vào Giấy chứng nhận đã cấp (Mã TTHC: 1.002380.000.00.00.H53)	Đất đai	Văn phòng Đăng ký đất đai; Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai
21	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho người nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, mua nhà ở, công trình xây dựng trong các dự án phát triển nhà ở và trong các dự án kinh	Đất đai	Văn phòng Đăng ký đất đai; Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai

	doanh bất động sản không phải dự án phát triển nhà ở (Mã TTHC: 2.000946.000.00.00.H53)		
22	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với trường hợp đã chuyển quyền sử dụng đất trước ngày 01 tháng 7 năm 2014 mà bên chuyển quyền đã được cấp Giấy chứng nhận nhưng chưa thực hiện thủ tục chuyển quyền theo quy định (đã thành lập) (Mã TTHC: 1.002993.000.00.00.H53)	Đất đai	Văn phòng Đăng ký đất đai; Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai
23	Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp chuyển đổi, chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại, thừa kế, tặng cho, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; chuyển quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất của vợ hoặc chồng thành của chung vợ và chồng; tặng thêm diện tích do nhận chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất đã có Giấy chứng nhận (Mã TTHC: 2.000889.000.00.00.H53)	Đất đai	Văn phòng Đăng ký đất đai; Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai
24	Bán hoặc góp vốn bằng tài sản gắn liền với đất thuê của Nhà nước theo hình thức thuê đất trả tiền hàng năm (Mã TTHC: 1.001991.000.00.00.H53)	Đất đai	Văn phòng Đăng ký đất đai; Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai
25	Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về đất đai; xử lý nợ hợp đồng thế chấp, góp vốn; kê biên, đấu giá quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất để thi hành án; chia, tách, hợp nhất, sáp nhập tổ chức (trừ doanh nghiệp); thỏa thuận hợp nhất hoặc phân chia quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất của nhóm người sử dụng đất; đăng ký biến động đối với trường hợp hộ gia đình, cá nhân đưa quyền sử dụng đất vào doanh nghiệp (Mã TTHC: 1.002082.000.00.00.H53)	Đất đai	Văn phòng Đăng ký đất đai; Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai
26	Đăng ký biến động đối với trường hợp chuyển từ hình thức thuê đất trả tiền hàng năm sang thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê hoặc từ giao đất không thu tiền sử dụng đất sang hình thức thuê	Đất đai	Văn phòng Đăng ký đất đai; Chi nhánh Văn phòng Đăng ký

	đất hoặc từ thuê đất sang giao đất có thu tiền sử dụng đất (Mã TTHC: 1.001134.000.00.00.H53)		đất đai
27	Cấp lại Giấy chứng nhận hoặc cấp lại Trang bổ sung của Giấy chứng nhận do bị mất (Mã TTHC: 1.002033.000.00.00.H53)	Đất đai	Văn phòng Đăng ký đất đai; Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai
28	Đăng ký chuyển mục đích sử dụng đất không phải xin phép cơ quan nhà nước có thẩm quyền (Mã TTHC: 1.001045.000.00.00.H53)	Đất đai	Văn phòng Đăng ký đất đai; Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai
29	Chuyển nhượng vốn đầu tư là giá trị quyền sử dụng đất (Mã TTHC: 1.001009.000.00.00.H53)	Đất đai	Văn phòng Đăng ký đất đai; Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai
30	Gia hạn sử dụng đất ngoài khu công nghệ cao, khu kinh tế (Mã TTHC: 1.003534.000.00.00.H53)	Đất đai	Văn phòng Đăng ký đất đai; Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai
31	Xác nhận tiếp tục sử dụng đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân khi hết hạn sử dụng đất đối với trường hợp có nhu cầu (Mã TTHC: 1.004206.000.00.00.H53)	Đất đai	Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai
32	Gia hạn sử dụng đất nông nghiệp của cơ sở tôn giáo (Mã TTHC: 1.004217.000.00.00.H53)	Đất đai	Văn phòng Đăng ký đất đai
33	Cung cấp dữ liệu đất đai (Mã TTHC: 1.004269.000.00.00.H53)	Đất đai	Văn phòng Đăng ký đất đai; Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai
34	Chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân (Mã TTHC: 2.001761.000.00.00.H53)	Đất đai	Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai
35	Cung cấp thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ (Mã TTHC: 1.011671.000.00.00.H53)	Đo đạc và bản đồ	Văn phòng Đăng ký đất đai
II	TTHC cấp huyện		

1	Thẩm định nhu cầu sử dụng đất để xem xét giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất đối với hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư (Mã TTHC: 2.001234.000.00.00.H53)	Đất đai	Phòng TN&MT cấp huyện
2	Giao đất, cho thuê đất cho hộ gia đình, cá nhân; giao đất cho cộng đồng dân cư đối với trường hợp giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất (Mã TTHC: 2.000381.000.00.00.H53)	Đất đai	Phòng TN&MT cấp huyện
3	Chuyển mục đích sử dụng đất phải được phép của cơ quan nhà nước đối với hộ gia đình, cá nhân (Mã TTHC: 1.000798.000.00.00.H53)	Đất đai	Phòng TN&MT cấp huyện
4	Thu hồi đất do chấm dứt việc sử dụng theo pháp luật, tự nguyện trả lại đất đối với trường hợp thu hồi đất của hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư, thu hồi đất ở của người Việt Nam định cư ở nước ngoài được sở hữu nhà ở tại Việt Nam (Mã TTHC: 1.005367.000.00.00.H53)	Đất đai	Phòng TN&MT cấp huyện